

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 01/02/2021

V/v: “thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các hội thẩm nhân dân: Trần Văn Th

Ông Nguyễn Lâm G

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị S - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Giáp Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

* *Bị đơn:* anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1987 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Nơi cư trú: tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Giáp Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đ năm 2010 và có 01 con chung. Tháng 7 năm 2017, chị và anh Nguyễn Mạnh Đ đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly và sự thỏa thuận của các đương sự 145/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2017, chị và anh Đ đã thỏa thuận anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Vũ Tùng A, sinh ngày 02/01/2011. Kể từ khi anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu A, chị đã nhiều lần đến thăm nom và đón cháu A về bên ngoại chơi. Đến tháng 10 năm 2018, chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động ở Malaysia chị có gửi tiền về cho bà L (bà L là bác dâu của anh Đ) để bà L nuôi cháu A. Tháng 2 năm 2020 chị về Việt Nam, chị đưa đón cháu A đi học, đóng tiền học cho cháu A. Hiện nay cháu A đang học lớp 4 D của trường tiểu học thị trấn C rất cần sự chăm lo việc học tập, giáo dục của bố, mẹ. Anh Đ là người được trực tiếp nuôi

dưỡng cháu A nhưng không nuôi dưỡng chăm sóc. Từ năm 2019 cho đến nay, cháu A ở với bà Bùi Thị L ở phố M, thị trấn C, huyện T. Nay chị thấy cháu cần có sự chăm lo cho việc học tập, giáo dục của bố, mẹ để cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Chị yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh Đ trình bày: Anh và chị Giáp Thị H kết hôn năm 2010, đã giải quyết ly hôn tại Tòa án vào năm 2017. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 145/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị Giáp Thị H, công nhận sự thỏa thuận giữa anh và chị H, giao cho anh tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Vũ Tùng A, sinh ngày 02/01/2011. Kể từ sau khi ly hôn anh vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A. Hiện nay anh làm dịch vụ hỏa táng, thời gian không ổn định có khi phải đi làm cả ngày và đêm, bố mẹ anh đã chết nên anh đã gửi cháu A nhà bà Bùi Thị L (bà L là bác dâu của anh) từ đầu năm 2020 cho đến nay. Cháu A tự đi học, tan học về nhà bà L ăn, ngủ ở đó. Anh làm nghề hỏa táng thu nhập 15.000.000 đồng/tháng đảm bảo cuộc sống và điều kiện để nuôi dưỡng cháu A phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Anh vẫn cho cháu A đi học và đóng góp các khoản tiền tại trường học đầy đủ. Thực tế, kể từ sau khi ly hôn 3 năm sau chị H mới đến thăm đón con, không quan tâm gì đến cháu A. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa, anh Đức có mặt xác nhận hiện nay cháu Anh đang ở nhà bà Lập, anh không đồng ý để chị để chị Hoài nuôi cháu Anh. Anh vẫn đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Anh phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Vũ Tùng Anh, anh không yêu cầu chị Hoài phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu; Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt tại phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 31/12/2020 vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con giao cháu Nguyễn Vũ Tùng A, sinh ngày 02/01/2011 cho chị Giáp Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Giáp Thị H với bị đơn là anh Nguyễn Mạnh Đ trú tại tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H:

Chị H và anh Đ kết hôn năm 2010, trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Vũ Tùng A, sinh ngày 02/01/2011. Tháng 7 năm 2017, chị H và anh Đ đã giải quyết ly hôn và thoả thuận anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Vũ Tùng A. Nay chị H cho rằng kể từ sau khi bố mẹ anh Đ chết năm 2019 cho đến nay thì cháu A ra ở với bà L tại phố M, thị trấn C, huyện T. Hiện nay anh Đ công việc không ổn định, không đủ điều kiện để chăm sóc cháu A. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysya chị có gửi tiền ăn học cho bà L. Đề cháu A được quan tâm, chăm sóc và ổn định cuộc sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh Đ không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị H vì anh vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay, về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung thì cả chị H và anh Đ đều đảm bảo, đều có khả năng dành cho cháu A những nhu cầu vật chất cơ bản. Tuy nhiên, cháu A hiện tại đang sinh sống tại nhà bà Bùi Thị L ở phố M, thị trấn C. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi anh Đ sinh sống cho biết sau khi ly hôn thì anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Cháu A tự đi học, buổi trưa anh Đ ở nhà thì về ăn cơm cùng anh Đ. Anh Đ đi làm cả ngày thì cháu A về nhà bà L là bác ruột của anh Đ ăn cơm. Qua xác minh tại trường học nơi cháu A theo học thấy hiện cháu A phát triển bình thường, học lực trung bình khá, người đưa đón cháu A đi học là chị H và bá họ của cháu A. Các khoản đóng góp của cháu A là do chị H đóng góp. Tại biên bản làm việc với bà Bùi Thị L là bác ruột của anh Đ cho biết từ khi bố đẻ của anh Đ chết năm 2019 cháu A là con trai anh Đ ra nhà bà ở cho đến nay. Từ khi cháu A ở nhà bà anh Đ không quan tâm gì đến cháu A, không hỏi thăm và cũng không đóng góp tiền ăn cho cháu A. Các khoản tiền đóng học cho cháu A là do bà, chị H và bà ngoại của cháu A đóng góp cho cháu. Bà L đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặt khác, bản thân cháu A cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Giáp Thị H. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy

yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ chấp nhận cần giao cháu A cho chị Giáp Thị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83; khoản 2, 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H đối với anh Nguyễn Mạnh Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Giao cho chị Giáp Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Vũ Tùng A, sinh ngày 02/01/2011. Anh Nguyễn Mạnh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh Nguyễn Mạnh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Giáp Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000086 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị O